

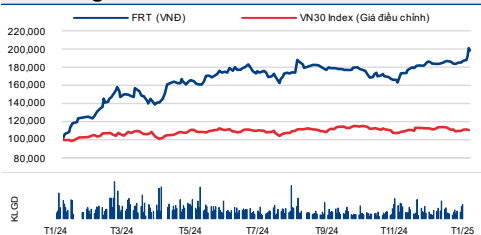
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ219,000
Tiềm năng tăng/giảm: 10.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	198,500
Mã Bloomberg	FRT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	99,400-201,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	195,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	27,044
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,080
Slg CP lưu hành (tr.đv)	136
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	66.8
Slg CP NN được mua (tr.đv)	16.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	37.1%
Tỷ lệ freefloat	38.6%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần FPT (46.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	31,850	39,938	49,888
EBITDA đc (tỷ đồng)	(84.5)	1,069	1,619
LNTT (tỷ đồng)	(294)	545	1,010
LNT ĐC (tỷ đồng)	(346)	369	707
FCF (tỷ đồng)	(2,531)	(1,506)	572
EPS ĐC (đồng)	(2,537)	2,711	5,188
DPS (đồng)	0	0	500
BVPS (đồng)	11,738	14,449	19,137
T.trưởng EBITDA (%)	(115)	1,365	51.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(189)	207	91.4
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.27)	2.68	3.25
Tỷ suất LNTT (%)	(0.92)	1.36	2.02
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(1.09)	0.92	1.42
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	9.64
Nợ thuần/VCSH (%)	449	421	300
ROAE (%)	(19.2)	20.7	30.9
ROACE (%)	(4.48)	37.6	49.4
EV/doanh thu (lần)	1.07	0.88	0.70
EV/EBITDA ĐC (lần)	(405)	33.0	21.5
P/E ĐC (lần)	N/a	73.2	38.3
P/B (lần)	16.9	13.7	10.4
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.25

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FRT là nhà bán lẻ điện thoại và dược phẩm. Tại thời điểm cuối quý 3/2023, công ty có 791 cửa hàng điện thoại FPT Shop và 1.384 nhà thuốc Long Châu.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2024: Chuyển biến lợi nhuận bền vững, nhưng thấp hơn dự báo

- Lợi nhuận thuần Q4/2024 ở mức 111 tỷ đồng của FRT thể hiện chuyển biến lợi nhuận bền vững nhưng vẫn thấp hơn dự báo của HSC ở mức 163 tỷ đồng do chi phí hoạt động của chuỗi nhà thuốc Long Châu tăng và tỷ suất lợi nhuận của chuỗi FPT Shop giảm do cơ cấu doanh thu kém thuận lợi.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của FRT trong năm 2024 đạt lần lượt 40 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 26%) và 318 tỷ đồng (so với lỗ 346 tỷ đồng trong năm 2023), hoàn thành lần lượt 100% và 86% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh 15%/98% trong 3 tháng/12 tháng qua, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, dự báo lợi nhuận và giá mục tiêu đối với FRT.

Sự kiện: Công bố lợi nhuận Q4/2024

Doanh thu thuần Q4/2024 đạt 11.447 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước, sát với dự báo của chúng tôi ở mức 11.282 tỷ đồng. Trong khi đó, lợi nhuận thuần đạt 111 tỷ đồng (giảm 21% so với quý trước), thấp hơn dự báo của HSC ở mức 163 tỷ đồng, cho thấy chuyển biến lợi nhuận tích cực từ lỗ thuần 101 tỷ đồng trong Q4/2023.

Lũy kế năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của FRT đạt lần lượt 40.104 tỷ đồng (tăng trưởng 26%) và 318 tỷ đồng (so với lỗ thuần 346 tỷ đồng trong năm 2023), hoàn thành 100% và 86% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Chuỗi nhà thuốc Long Châu: Doanh thu vượt nhẹ, lợi nhuận thuần kém hơn dự báo

Doanh thu thuần Q4/2024 của chuỗi nhà thuốc Long Châu (từ các nhà thuốc và trung tâm tiêm chủng) tăng vọt lên mức cao 7.225 tỷ đồng (tăng 53% so với cùng kỳ và tăng 10% so với quý trước) so với dự báo của chúng tôi ở mức 7.102 tỷ đồng. Trong Q4/2024, Long Châu mở thêm 94 nhà thuốc, cho thấy tốc độ mở nhà thuốc mới chậm lại (so với 117 nhà thuốc mở mới trong 3 quý trước đó). Tính đến cuối năm 2024, Công ty có 1.943 nhà thuốc (tăng 446 nhà thuốc, từ 1.497 vào cuối năm 2023). Doanh thu trên mỗi cửa hàng được ghi nhận khá lành mạnh, ở mức khoảng 1,2 tỷ đồng trong Q4/2024. Đây được xem là mức tích cực do đa số cửa hàng được mở mới trong năm 2024 có quy mô nhỏ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, FRT

Lợi nhuận thuần hợp nhất Q4 đạt 318 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q4/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2024	Tăng trưởng	% 2024F của HSC
Doanh thu thuần	11,447	32%	10%	40,104	26%	100%
Lợi nhuận gộp	2,074	36%	10%	7,583	47%	
Chi phí HĐ	(1,871)	18%	13%	(6,893)	31%	
Lợi nhuận HĐ	204	Đảo chiều	-12%	690	Đảo chiều	
Lỗ tài chính	(33)	6%	0%	(147)	-31%	
LNTT	179	Đảo chiều	-9%	408	Đảo chiều	
Lợi nhuận thuần	111	Đảo chiều	-21%	318	Đảo chiều	86%
Tỷ suất lợi nhuận gộp %	18.1%			18.9%		
Tỷ suất lợi nhuận HĐ %	1.8%			1.7%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần %	1.0%			0.8%		

Nguồn: FRT, HSC

Chúng tôi ước tính Long Châu sẽ ghi nhận lợi nhuận thuần 93 tỷ đồng trong quý, giảm 8% so với quý trước, chuyển biến lợi nhuận từ lỗ 12 tỷ đồng trong Q4/2023, thấp hơn dự báo ở mức 126 tỷ đồng. Lợi nhuận thấp hơn dự báo do chi phí hoạt động cao hơn kỳ vọng.

FPT Shop: Doanh thu sát, lợi nhuận thuần thấp hơn dự báo

Doanh thu thuần Q4/2024 của FPT Shop tăng 7% so với cùng kỳ đạt 4.222 tỷ đồng (tăng 6% so với quý trước), sát với dự báo của HSC ở mức 4.180 tỷ đồng. Sau khi đóng thêm 3 cửa hàng trong Q4/2024, tổng số cửa hàng của chuỗi giảm xuống còn 634 cửa hàng tại thời điểm cuối năm 2024 (giảm 121 cửa hàng, từ 755 cửa hàng vào cuối năm 2023). Doanh thu trên mỗi cửa hàng/tháng cải thiện lên 2,2 tỷ đồng trong Q4/2024, từ 1,7 tỷ đồng trong Q4/2023, và 2,1 tỷ đồng trong Q3/2024.

Lợi nhuận thuần Q4/2024 của chuỗi FPT Shop đáng thất vọng, chỉ ở mức 18 tỷ đồng (giảm 56% so với quý trước), thấp hơn dự báo của chúng tôi ở mức 38 tỷ đồng, cho thấy tỷ suất lợi nhuận thuần ở mức 0,4% (giảm 60 điểm cơ bản so với quý trước). Do đó, tỷ suất lợi nhuận giảm đa phần do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp (giảm 60 điểm cơ bản), do tăng tỷ lệ đóng góp doanh thu thời vụ của hoạt động bán iPhone (tỷ suất lợi nhuận của iPhone thấp).

Xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh 15%/98% trong 3 tháng/12 tháng qua và diễn biến tích cực hơn VN Index, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, dự báo lợi nhuận và giá mục tiêu đối với FRT.

Bảng 2: Các số liệu quan trọng, FPT Shop

	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5,456	4,582	3,605	4,104	3,964	3,583	3,340	3,981	4,222
% so với cùng kỳ	-23%	-19%	-18%	-21%	-27%	-22%	-7%	-3%	7%
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (tỷ đồng)	80	(66)	(252)	(69)	(88)	(51)	(62)	40	18
Số lượng cửa hàng	786	807	800	791	755	743	642	637	634
Doanh thu/cửa hàng theo tháng (tỷ đồng)	2.4	1.9	1.5	1.7	1.7	1.6	1.6	2.1	2.2
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	11.8%	9.3%	8.1%	11.3%	11.4%	13.4%	13.8%	13.6%	13.0%
Chi phí HĐ/ Doanh thu thuần (%)	-9.9%	-10.2%	-14.4%	-12.8%	-13.2%	-14.4%	-14.5%	-12.2%	-12.3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐ (%)	1.9%	-0.9%	-6.2%	-1.4%	-1.8%	-1.0%	-0.8%	1.4%	0.7%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	1.5%	-1.4%	-7.0%	-1.7%	-2.2%	-1.4%	-1.8%	1.0%	0.4%

Nguồn: FRT, HSC ước tính

Bảng 3: Các số liệu quan trọng, Long Châu

	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3,002	3,171	3,565	4,132	4,727	5,459	5,900	6,395	7,225
% so với cùng kỳ	109%	48%	97%	64%	57%	72%	65%	55%	53%
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (tỷ đồng)	17	68	37	56	(15)	111	110	126	116
Số lượng cửa hàng	937	1,056	1,243	1,384	1,497	1,587	1,706	1,849	1,943
Số lượng cửa hàng mở mới	137	119	187	141	113	90	119	143	94
Doanh thu/cửa hàng theo tháng (tỷ đồng)	1.2	1.1	1.0	1.1	1.1	1.2	1.2	1.2	1.2
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	22.9%	23.9%	22.2%	21.9%	22.6%	24.3%	22.9%	21.1%	21.1%
Chi phí HĐ/ Doanh thu thuần (%)	-21.1%	-20.5%	-19.7%	-19.4%	-22.4%	-21.4%	-20.3%	-18.3%	-18.7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐ (%)	1.7%	3.4%	2.5%	2.5%	0.2%	2.9%	2.6%	2.8%	2.4%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	0.7%	2.3%	1.2%	1.6%	-0.4%	2.4%	2.0%	2.1%	1.8%

Nguồn: FRT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	30,166	31,850	39,938	49,888	59,089
Lợi nhuận gộp	4,703	5,162	7,777	10,043	11,992
Chi phí BH&QL	(4,147)	(5,246)	(7,046)	(8,778)	(10,404)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	557	(84.5)	731	1,265	1,588
Lãi vay thuần	(83.8)	(222)	(198)	(299)	(282)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	12.9	12.4	11.0	43.9	45.5
LNTT	486	(294)	545	1,010	1,352
Chi phí thuế TNDN	(87.5)	(35.0)	(88.8)	(173)	(231)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.71)	(16.4)	(86.7)	(130)	(183)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	390	(346)	369	707	938
Lợi nhuận thuần ĐC	390	(346)	369	707	938
EBITDA ĐC	557	(84.5)	1,069	1,619	1,960
EPS (đồng)	2,865	(2,537)	2,711	5,188	6,882
EPS ĐC (đồng)	2,865	(2,537)	2,711	5,188	6,882
DPS (đồng)	500	0	0	500	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	118	136	136	136	136
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	118	136	136	136	136
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	136	136	136	136	136

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	746	961	451	673	887
Đầu tư ngắn hạn	1,119	1,194	660	660	1,500
Phải thu khách hàng	89.6	126	158	197	234
Hàng tồn kho	6,484	8,427	11,279	12,741	14,686
Các tài sản ngắn hạn khác	889	708	822	836	851
Tổng tài sản ngắn hạn	9,327	11,415	13,370	15,108	18,158
TSCĐ hữu hình	675	1,079	1,197	1,177	1,100
TSCĐ vô hình	156	172	228	223	218
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	366	432	192	212	234
Tổng tài sản dài hạn	1,197	1,683	1,617	1,612	1,552
Tổng cộng tài sản	10,524	13,098	14,987	16,720	19,709
Nợ ngắn hạn	5,363	8,108	8,702	8,453	9,077
Phải trả người bán	2,307	2,274	2,852	3,562	4,219
Nợ ngắn hạn khác	766	921	1,198	1,676	2,380
Tổng nợ ngắn hạn	8,474	11,379	12,812	13,775	15,781
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0.01	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.09	0.54	0.09	0.09	0.09
Tổng nợ dài hạn	0.09	0.56	0.09	0.09	0.09
Tổng nợ phải trả	8,474	11,379	12,812	13,776	15,781
Vốn chủ sở hữu	2,008	1,599	1,969	2,607	3,409
Lợi ích cổ đông thiểu số	41.1	120	207	337	520
Tổng vốn chủ sở hữu	2,049	1,719	2,175	2,944	3,928
Tổng nợ phải trả và VCSH	10,524	13,098	14,987	16,720	19,709
BVPS (đ)	16,951	11,738	14,449	19,137	25,019
Nợ thuần/(tiền mặt)	4,618	7,147	8,250	7,780	8,190

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	557	(84.5)	731	1,265	1,588
Khấu hao	0	0	(338)	(355)	(372)
Lãi vay thuần	(83.8)	(222)	(198)	(299)	(282)
Thuế TNDN đã nộp	(135)	(0.11)	(88.8)	(173)	(231)
Thay đổi vốn lưu động	(1,850)	(1,848)	(2,059)	(303)	(615)
Khác	(59.4)	329	219	56.8	57.4
LCT thuần từ HKKD	(1,572)	(1,826)	(1,057)	902	890
Đầu tư TS dài hạn	(454)	(705)	(449)	(330)	(290)
Góp vốn & đầu tư	2,378	33.6	435	0	(840)
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,924	(672)	(14.5)	(330)	(1,130)
Cổ tức trả cho CSH	(39.5)	(59.2)	0	(68.1)	(136)
Thu từ phát hành CP	11.5	27.3	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(684)	2,745	594	(249)	624
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(712)	2,713	594	(317)	488
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,105	746	961	451	673
LCT thuần trong kỳ	(360)	215	(478)	254	248
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.04	0.07	(31.7)	(32.6)	(33.6)
Tiền & tương đương tiền cuối kì	746	961	451	673	887
Dòng tiền tự do	(2,026)	(2,531)	(1,506)	572	600

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.6	16.2	19.5	20.1	20.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.84	(0.27)	2.68	3.25	3.32
Tỷ suất LNT (%)	1.29	(1.09)	0.92	1.42	1.59
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.0	(11.9)	16.3	17.1	17.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	34.1	5.58	25.4	24.9	18.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	12.5	(115)	1,365	51.4	21.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(12.0)	(189)	207	91.4	32.7
Tăng trưởng EPS (%)	(9.31)	(189)	207	91.4	32.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(9.31)	(189)	207	91.4	32.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	(100)	nm	nm	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	17.5	0	0	9.64	14.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.3	(19.2)	20.7	30.9	31.2
ROACE (%)	29.9	(4.48)	37.6	49.4	46.2
Vòng quay tài sản (lần)	2.83	2.70	2.84	3.15	3.24
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(2.82)	21.6	(1.45)	0.71	0.56
Số ngày tồn kho	92.9	115	128	117	114
Số ngày phải thu	1.28	1.72	1.79	1.81	1.81
Số ngày phải trả	33.1	31.1	32.4	32.6	32.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	232	449	421	300	242
Nợ/tài sản (%)	51.3	62.2	58.4	50.9	46.4
EBIT/lãi vay (lần)	6.64	(0.38)	3.70	4.23	5.64
Nợ/EBITDA (lần)	9.70	(96.4)	8.18	5.25	4.66
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.10	1.00	1.04	1.10	1.15
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.93	1.07	0.88	0.70	0.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	50.6	(405)	33.0	21.5	18.0
P/E (lần)	69.3	N/a	73.2	38.3	28.8
P/E ĐC (lần)	69.3	N/a	73.2	38.3	28.8
P/B (lần)	11.7	16.9	13.7	10.4	7.93
Lợi suất cổ tức (%)	0.25	0	0	0.25	0.50

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn